TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2019/DS-ST Ngày: 03-6-2019 V/v "tranh chấp tiền hụi".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Trần Hoàng Giang

Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc *"Tranh chấp tiền hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Bé M, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1965.

Bà Võ Tuyết H, sinh năm 1965

Cùng cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị Q, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Bé M trình bày: Bà Võ Tuyết H và ông Nguyễn Hoàng H1 có nợ của bà hai dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 29 tháng 02 năm 2016 âm lịch, hụi có 42 chân, loại hụi 500.000 đồng, hụi mỗi tháng khui 02 lần, sau khi đóng hụi được 04 lần bà H đã hốt hụi ngày 02/5/2016 (âl) với tổng số tiền 10.350.000 đồng, Sau khi hốt hụi bà H còn nợ lại 34 lần chưa đóng với số 17.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi ngày 09 tháng 7 năm 2016 âm lịch, hụi có 36 chân, loại hụi 500.000 đồng, hụi mỗi tháng khui 02 lần, bà H đóng hụi được 03 lần và đã hốt hụi ngày 24/8/2016 (âl) với tổng số tiền 11.248.000 đồng, bà H còn nợ lại 33 lần chưa đóng hụi với số tiền 16.500.000 đồng. Tổng các khoản nợ của hai dây hụi là 33.500.000 đồng, bà H nói với bà 10 ngày sau sẽ trả đầy đủ, tuy nhiên đến hạn trả bà đã nhiều lần đến để yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn không trả. Sau đó đến ngày 7 tháng 5 năm 2017 bà H có làm biên nhận cho bà với số tiền nợ là 30.000.000 đồng. Trong biên nhận có ghi có trả 5.000.000đ, vô trả ngày 16 tháng 9 nhưng bà H chưa trả 5.000.000 đồng. Trong biên nhận bà H ghi là nợ vợ cháu La, (vợ La là con dâu của bà là bà Đào Thị Q), hụi do bà làm chủ nhưng con dâu bà là người trực tiếp đi gom tiền hụi. Bà yêu cầu bà H và ông H1 trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Tuyết H trình bày: Bà thừa nhận bà có tham gia hai chân hụi do bà M làm chủ đúng như bà M trình bày. Sau khi hốt hụi bà đã đóng hụi cho bà M đầy đủ, bà chỉ có nợ tiền hụi của bà M 1.000.000 đồng. Sau đó bà M tính tiền lãi mỗi ngày 20.000 đồng, lãi nhập vốn và cộng dồn lại, bà M yêu cầu bà làm biên nhận nợ bà M 30.000.000 đồng. Bà Thừa nhận biên nhận do bà M cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên. Sau khi làm biên nhận bà đã trả cho bà M 5.000.000đ. Bà M yêu cầu bà trả 30.000.000 đồng bà không đồng ý vì đây là tiền lãi, bà đồng ý trả cho bà M 5.000.000 đồng. Đối với số tiền hụi nợ bà M là nợ riêng của bà không liên quan đến ông H1 chồng bà.

- Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng H1 trình bày: Việc chơi hụi giữa bà H (vợ ông) và bà M như thế nào ông không biết. Vợ chồng ông xài tiền riêng, lương của ai người đó tự chi xài. Bà M yêu cầu ông trả nợ ông không đồng ý, bà H nợ thì bà H trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 4 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Q trình bày: Bà là người trực tiếp đi gom tiền hụi cho bà M gồm hai dây hụi 42 chân và dây hụi 36 chân gom định kỳ hàng tháng. Dây hụi 42 chân khui vào ngày 29/02/2016 (âl) bà gom 01 tháng 02 lần vào ngày (15) và 30 (âl) lúc đầu bà H đóng đủ và sau khi hốt hụi thì bà H không đóng tiền hụi chết cho bà M còn nợ lại 34 lần không đóng với tổng số tiền là 17.000.000 đồng, bà H có hứa ít ngày bà H lãnh lương đóng tiền hụi. Bà có đến trường bà H dạy học yêu cầu bà H trả tiền hụi nhiều lần nhưng bà H không trả. Dây hụi 36 chân mở vào ngày 09/7/2016 (âl) 01 tháng khui 02 lần bà gom hụi vào ngày 11 (âl) và ngày 26 (âl) lúc đầu bà H đóng đủ và sau khi hốt hụi thì bà H không đóng tiền hụi chết cho bà còn nợ lại 33 lần không đóng với tổng số tiền là 16.000.000 đồng, bà H có hứa ít ngày bà H lãnh lương đóng tiền hụi. Bà có đến trường chỗ bà H dạy học yêu cầu bà H trả

tiền hụi nhiều lần nhưng bà H không trả. Bà H có nhiều lần vào nhà năn nỉ và có làm biên nhận nợ 30.000.000 đồng và những lần bà đi gom hụi có gặp chú H1 và có nói với chú H1 vào gom tiền hụi bà H.Tổng hai chân hụi bà H còn nợ bà M 33.500.000 đồng và cho đến nay thì bà H chưa trả cho bà M, nhưng do trong biên nhận chỉ thể hiện 30.000.000 đồng nên bà H và ông H1 có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hụi là 30.000.000 đồng. Trong quá trình gom tiền hụi, bà H có đưa cho bà 5.000.000 đồng để đóng hụi, bà đã đưa lại cho mẹ chồng bà là bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Bé M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng H1 và bà Võ Tuyết H trả tiền hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp tiền hụi"* nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét thấy việc bà H có tham gia chơi 02 chân hụi do bà M làm chủ là có thật, việc này bà H thừa nhận tại phiên tòa. Sau khi tham gia chơi hụi bà H đã hốt hết hai chân hụi và bà M đã chung tiền hụi cho bà H đầy đủ, bà H có làm biên nhận nhận tiền hụi. Bà M cho rằng sau khi hốt hụi bà H không đóng hụi chết cho bà và bà H còn nợ bà số tiền 30.000.000 đồng, bà H có viết biên nhận về việc nợ tiền hụi bà M. Bà H thừa nhận tất cả các biên nhận do bà M cung cấp là do bà H tự tay viết và ký vào biên nhận. Bà H cho rằng sau khi hốt hụi có đóng hụi đầy đủ cho bà M, bà H chỉ thiếu bà M 1.000.000 đồng, bà M tính lãi mỗi ngày 20.000 đồng, lãi nhập vốn tổng cộng 30.000.000 đồng, bà H chỉ đồng ý trả bà M 5.000.000 đồng. Bà H cho rằng sau khi hốt hụi đã đóng lãi cho bà M đầy đủ nhưng bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và bà M không thừa nhận nên lời trình bày của bà H là không có cơ sở chấp nhận. Bà H có viết biên nhận nợ bà M 30.000.000 đồng nên bà H có nghĩa vụ trả cho bà M 30.000.000 đồng. Tuy nhiên tại biên nhận ngày 07 tháng 5 năm 2017 thể hiện bà H có trả bà M 5.000.000 đồng và tại phiên tòa bà Q thừa nhận bà H có đưa cho bà 5.000.000 đồng để trả tiền hụi và bà Q đã đưa 5.000.000 đồng cho bà M. Bà M cho rằng có nhận của bà H 5.000.000 đồng từ bà Q, bà M cho rằng 5.000.000 đồng bà H đưa để trả tiền lãi cho khoản tiền vay, bà H không thừa nhận số tiền 5.000.000 đồng là trả lãi và bà M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh 5.000.000 đồng bà H đưa là trả tiền lãi. Do đó có cơ sở xác định bà H đưa cho bà M 5.000.000 đồng là trả tiền hụi. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà M, bà H có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi của bà M về việc yêu cầu ông H1 và bà H trả số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Bà M yêu cầu ông Nguyễn Hoài H1 có nghĩa vụ cùng bà H trả tiền cho bà M. Xét thấy việc chơi hụi giữa bà H với bà M ông H1 không biết, bà H hốt hụi

không sử dụng vào việc chung của gia đình. Tại phiên tòa bà M thừa nhận khi tham gia chơi hụi bà H yêu cầu bà M giấu ông H1 việc bà H tham gia chơi hụi, khi bà M đến gom tiền hụi ông H1 hỏi bà M đi đâu thì bà M nói đi chơi. Do đo, đây là nợ riêng của bà H không phải nợ chung của bà H và ông H1 nên bà M yêu cầu ông H1 có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận một phần nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà M đã dự nộp án phí 838.000 đồng được đối trừ, bà M được nhận lại 538.000 đồng. Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Bé M. Buộc bà Võ Tuyết H trả cho bà Lê Thị Bé M số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bé M về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H1 và bà Võ Tuyết H trả số tiền 5.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bé M yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H1 phải liên đới trả tiền cho bà Lê Thị Bé M.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Lê Thị Bé M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 838.000đ theo biên lai thu tiền số 0007494 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà M được nhận lại 538.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Võ Tuyết H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi cán có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều